(TÀI LIỆU PHỤC VỤ TƯ VẤN THIẾT KẾ, QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG PHÒNG SẠCH)

DANH MỤC TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

DANH MỤC TIÊU CHUẨN VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG (TCVN,TCXD & TCXDVN 1971 – 2016) (CẬP NHẬT NGÀY 01/06/2016)

Số hiệu Tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn
	BÊ TÔNG
TCVN 4506:2012	Nước trộn bê tông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6025:1995	Bê tông. Phân mác theo cường độ nén
TCVN 8228:2009	Hỗn hợp bê tông thủy công. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9034:2011	Vữa và bê tông chịu axít
TCVN 10306:2014	Bê tông cường độ cao - Thiết kế thành phần mẫu hình trụ
TCXD 191:1996	Bê tông và vật liệu làm bê tông – Thuật ngữ và định nghĩa
	BÊ TÔNG NHẸ
TCVN 7959:2011	Bê tông nhẹ- Gạch bê tông khí chưng áp (AAC)
TCVN 9028:2011	Vữa cho bê tông nhẹ
TCVN 9029:2011	Bê tông nhẹ - Gạch bê tông bọt, khí không chưng áp - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9030:2011	Bê tông nhẹ- Gạch bê tông bọt, khí không chưng áp - Phương pháp thử
TCVN 10655:2015	Chất tạo bọt cho bê tông bọt – Yêu cầu kỹ thuật

CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG

TCVN 6220:1997	Cốt liệu nhẹ cho bê tông. Sỏi, dăm sỏi và cát keramzit. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7570:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9205:2012	Cát nghiền cho bê tông và vữa
TCXD 127:1985	Cát mịn để làm bê tông và vữa xây dựng. Hướng dẫn sử dụng.

THÉP CỐT BÊ TÔNG

TCVN 1651-1:2008	Thép cốt bê tông – Phần 1: Thép thanh tròn trơn
TCVN 1651-2:2008	Thép cốt bê tông – Phần 2: Thép thanh vằn.
TCVN 1651-3:2008	Thép cốt bê tông - Phần 3: Lưới thép hàn
TCVN 1848:1976	Dây thép kết cấu cacbon
TCVN 6288:1997 (ISO 10544:1992)	Dây thép vuốt nguội để làm cốt bê tông và sản xuất lưới thép hàn làm cốt
TCVN 7934:2009 (ISO 14654:1999)	Thép phủ epoxy dùng làm cốt bê tông
TCVN 7936:2009 (ISO 14656:1999)	Bột epoxy và vật liệu bịt kín cho lớp phủ thép cốt bê tông
TCVN 9390:2012	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng dập ép ống - Yêu cầu thiết kế thi công và nghiệm thu
TCVN 8163:2009	Thép cốt bê tông. Mối nối bằng ống ren

THÉP CỐT BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC

TCVN 6284-1:1997 (ISO 6934/1:1991)	Thép cốt bê tông dự ứng lực. Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 6284-2:1997 (ISO 6934/2:1991)	Thép cốt bê tông dự ứng lực. Phần 2: Dây kéo nguội
TCVN 6284-3:1997 (ISO 6934/3:1991)	Thép cốt bê tông dự ứng lực. Phần 3: Dây tôi và ram

TCVN 6284-4:1997 (ISO 6934/4:1991)	Thép cốt bê tông dự ứng lực. Phần 4: Dảnh
TCVN 6284-5:1997 (ISO 6934/5:1991)	Thép cốt bê tông dự ứng lực. Phần 5: Thép thanh cán nóng có hoặc không xử lý tiếp
TCVN 7935:2009 (ISO 14655:1999)	Dảnh phủ epoxy dùng cho bê tông dự ứng lực.
TCVN 10952:2015	Cáp dự ứng lực bọc epoxy từng sợi đơn

CẤU KIỆN BÊ TÔNG & BÊ TÔNG CỐT THÉP

TCVN 2276:1991	Tấm sàn hộp bê tông cốt thép dùng làm sàn và mái nhà dân dụng
TCVN 5846:1994	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm. Kết cấu và kích thước
TCVN 5847:1994	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.
TCVN 6393:1998	Ống bơm bê tông vỏ mỏng có lưới thép
TCVN 6394:2014	Mương bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn
TCVN 7888:2014	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước
TCVN 7959:2008	Blốc bê tông khí chưng áp (AAC)
TCVN 9029:2011	Bê tông nhẹ - Gạch bê tông bọt, khí không chưng áp - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9113 : 2012	Ống bê tông cốt thép thoát nước
TCVN 9114:2012	Sản phẩm bê tông ứng lực trước - Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận
TCVN 9116:2012	Cống hộp bê tông cốt thép
TCVN 10332:2014	Hào kỹ thuật bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn
TCVN 10333-1:2014	Hố ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn. Phần 1: Hố thu nước mưa và hố ngăn mùi

TCVN 10333-2:2014	Hố ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn. Phần 2: Giếng thăm hình hộp
TCVN 10334:2014	Bể tự hoại bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn dùng cho nhà vệ sinh
TCVN 10797:2015	Sản phẩm bó vỉa bê tông đúc sẵn
TCVN 10798:2015	Tấm bê tông cốt thép đúc sẵn gia cố mái kênh và lát mặt đường
TCVN 10799:2015	Gối cống bê tông đúc sẵn
TCVN 10800:2015	Bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn - Bể lọc chậm và bể chứa nước sinh hoạt
TCXD 235:1999	Dầm bê tông cốt thép ứng lực trước PPB và viên blốc bê tông dùng làm sàn và mái nhà

THÉP KẾT CẤU

TCVN 5709:2009	Thép cácbon cán nóng dùng làm kết cấu trong xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6283-1:1997 (ISO 1035/1:1980)	Thép thanh cán nóng. Phần 1: Kích thước của thép tròn.
TCVN 6283-2:1997 (ISO 1035/2:1980)	Thép thanh cán nóng. Phần 2: Kích thước của thép vuông
TCVN 6283-3:1997 (ISO 1035/3:1980)	Thép thanh cán nóng. Phần 3: Kích thước của thép dẹt
TCVN 6283-4:1999 (ISO 1035-4:1982)	Thép thanh cán nóng. Phần 4. Dung sai
TCVN 6522:2008 (ISO 4995:2001)	Thép tấm kết cấu cán nóng
TCVN 7571-1:2006 (ISO 0657-1:1989)	Thép hình cán nóng. Phần 1: Thép góc cạnh đều. Kích thước.
TCVN 7571-2:2006 (ISO 0657-2:1989)	Thép hình cán nóng. Phần 2: Thép góc cạnh không đều. Kích thước
TCVN 7571-5:2006 (ISO 0657-5:1976)	Thép hình cán nóng. Phần 5: Thép góc cạnh đều và không đều. Dung sai hệ mét và hệ inch
TCVN 7571-11:2006 (ISO 0657-11:1980)	Thép hình cán nóng. Phần 11: Thép chữ C. Kích thước và đặc tính mặt cắt

TCVN 7571-15:2006	Thép hình cán nóng. Phần 15: Thép chữ I. Kích thước và đặc tính mặt cắt
TCVN 7571-16:2006 (ISO 0657-16:1980)	Thép hình cán nóng. Phần 16: Thép chữ H. Kích thước và đặc tính mặt cắt

CỌC THÉP

TCVN 9245:2012	Cọc ống thép
TCVN 9246:2012	Cọc ống ván thép

QUE HÀN & DÂY THÉP HÀN

TCVN 2362:1993	Dây thép hàn
TCVN 3223:2000	Que hàn điện dùng cho thép cacbon thấp và thép hợp kim thấp. Ký hiệu, kích thước và yêu cầu kỹ thuật chung
TCVN 3734:1989	Que hàn nóng chảy hàn hồ quang tay. Ký hiệu

CÁC LOẠI GẠCH

TCVN 1450:2009	Gạch rỗng đất sét nung
TCVN 1451:1998	Gạch đặc đất sét nung
TCVN 2118:1994	Gạch canxi- silicat. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6065:1995	Gạch ximăng lát nền
TCVN 6074:1995	Gạch lát granito
TCVN 6476:1999	Gạch bê tông tự chèn
TCVN 6477:2011	Gạch bê tông
TCVN 7132:2002	Gạch gốm ốp lát. Định nghĩa, phân loại, đặc tính kỹ thuật và ghi nhãn
TCVN 7483:2005	Gạch gốm ốp lát đùn dẻo. Yêu cầu kỹ thuật

TCVN 7744:2013	Gạch terrazzo
TCVN 7745:2007	Gạch gốm ốp lát ép bán khô. Yêu cầu kỹ thuật
TCXD 86:1981	Gạch chịu axit
TCXD 90:1982	Gạch lát đất sét nung
TCXD 111:1983	Gạch trang trí đất sét nung
TCXD 123:1984	Gạch không nung- yêu cầu kỹ thuật

VỮA, BỘT MÀU, KEO DÁN GẠCH

TCVN 4314:2003	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 4459:1987	Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa xây dựng
TCVN 5696:1992	Bột màu xây dựng – Xanh crom oxit
TCVN 7899-1:2008 (ISO 13007-1:2004)	Gạch gốm ốp lát. Vữa, keo chít mạch và dán gạch. Phần 1: Thuật ngữ, định nghĩa và yêu cầu kỹ thuật đối với vữa, keo dán gạch
TCVN 7899-2:2008 (ISO 13007-2:2005)	Gạch gốm ốp lát. Vữa, keo chít mạch và dán gạch. Phần 2: Phương pháp thử vữa, keo dán gạch
TCVN 7899-3:2008 (ISO 13007-3:2004)	Gạch gốm ốp lát. Vữa, keo chít mạch và dán gạch. Phần 3: Thuật ngữ, định nghĩa và yêu cầu kỹ thuật đối với vữa, keo chít mạch
TCVN 7899-4:2008 (ISO 13007-4:2005)	Gạch gốm ốp lát. Vữa, keo chít mạch và dán gạch. Phần 4: Phương pháp thử vữa, keo chít mạch
TCVN 9204:2012	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co
TCVN 9034:2011	Vữa và bê tông chịu axít

TCVN 9079:2012	Vữa bền hóa gốc polyme. Yêu cầu kỹ thuật
TCXDVN336:2005	Vữa dán gạch ốp lát - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

ĐÁ ỐP LÁT

TCVN 4732:2007	Đá ốp lát tự nhiên
TCVN 5642:1992	Đá khối thiên nhiên để sản xuất đá ốp lát
TCVN 8057:2009	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ

NGÓI

TCVN 1452:2004	Ngói đất sét nung - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 1453:1986	Ngói xi măng-cát
TCVN 7195:2002	Ngói tráng men

TẤM LỢP

TCVN 3600:1981	Thép tấm mỏng lợp nhà, mạ kẽm và rửa axit. Cỡ, thông số, kích thước
TCVN 4434:2000	Tấm sóng amiăng xi măng. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 5819:1994	Tấm sóng PVC cứng
TCVN 8052-1:2009	Tấm lợp bitum dạng sóng. Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8053:2009	Tấm lợp dạng sóng. Yêu cầu thiết kế và hướng dẫn lắp đặt

TẤM THẠCH CAO, TẤM XI MĂNG SỢI, TẤM 3D

TCVN 8256:2009	Tấm thạch cao. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8258:2009	Tấm xi măng sợi. Yêu cầu kỹ thuật

TCVN 7575-1:2007	Tấm 3D dùng trong xây dựng. Phần 1: Qui định kỹ thuật
TCVN 7575-2:2007	Tấm 3D dùng trong xây dựng. Phần 2: Phương pháp thử
TCVN 7575-3:2007	Tấm 3D dùng trong xây dựng. Phần 3: Hướng dẫn lắp dựng

SỨ VỆ SINH

TCVN 6073:2005	Sản phẩm sứ vệ sinh. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7743:2007	Sản phẩm sứ vệ sinh. Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại

VẬT LIỆU CHỐNG THẤM, KẾT DÍNH, CHẮN NƯỚC, LỌC

TCVN 6557:2000	Vật liệu chống thấm. Sơn bitum cao su
TCVN 7951:2008	Hệ chất kết dính gốc nhựa epoxy cho bê tông. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9065:2012	Vật liệu chống thấm - Sơn nhũ tương bi tum
TCVN 9066:2012	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9068:2012	Vật liệu lọc dạng hạt dùng trong hệ thống xử lý nước sạch – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9384:2012	Băng chắn nước dùng trong mối nối công trình xây dựng - Yêu cầu sử dụng
TCVN 9407:2014	Vật liệu chống thấm – Băng chặn nước PVC
TCVN 9408:2014	Vật liệu chống thấm – Tấm CPE – Yêu cầu kỹ thuật

VÔI, SƠN, BỘT BẢ TƯỜNG, SILICON XẢM KHE

TCVN 2231:1989	Vôi canxi cho xây dựng
TCVN 5730:2008	Sơn Alkyd. Yêu cầu kỹ thuật chung
TCVN 6934:2001	Sơn tường - Sơn nhũ tương .Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

TCVN 7239:2014	Bột bả tường gốc xi măng poóc lăng
TCVN 8266:2009	Silicon xảm khe cho kết cấu xây đựng. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8652:2012	Sơn tường dạng nhũ tương. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9404:2012	Sơn xây dựng - Phân loại
TCVN 10833:2015	Bột kẽm sử dụng trong sơn – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

VẬT LIỆU CÁCH NHIỆT, BÔNG THỦY TINH, VẢI THỦY TINH

TCVN 7194:2002	Vật liệu cách nhiệt – Phân loại
TCVN 7950:2008	Vật liệu cách nhiệt. Vật liệu canxi silicat
TCVN 8054:2009	Vật liệu cách nhiệt. Sản phẩm bông thủy tinh. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8058:2009	Vải thủy tinh. Yêu cầu kỹ thuật

CỬA ĐI, CỬA SỔ & PHỤ TÙNG CỬA

TCVN 5762:1993	Khóa cửa có tay nắm – Yêu cầu kỹ thuật.
TCVN 7451:2004	Cửa sổ và cửa đi bằng khung nhựa cứng U-PVC. Quy định kỹ thuật
TCVN 9366-1:2012	Cửa đi, cửa sổ - Phần 1: Cửa gỗ
TCVN 9366-2:2012	Cửa đi, cửa sổ- Phần 2- Cửa kim loại
TCXD 92:1983	Phụ tùng cửa sổ và cửa đi – Bản lề cửa
TCXD 93:1983	Phụ tùng cửa sổ và cửa đi – Ke cánh cửa
TCXD 94:1983	Phụ tùng cửa sổ và cửa đi – Tay nắm chốt ngang

KÍNH XÂY DỰNG

TCVN 7218:2002	Kính tấm xây dựng. Kính nổi. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7364-1:2004	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 1: Định nghĩa và mô tả các vật liệu thành phần
TCVN 7364-2:2004	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 2: Kính dán an toàn nhiều lớp
TCVN 7364-3:2004	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 3: Kính dán nhiều lớp
TCVN 7364-4:2004	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phương pháp thử độ bền
TCVN 7364-5:2004	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 5: Kích thước và hoàn thiện cạnh sản phẩm
TCVN 7364-6:2004	Kính xây dựng. Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. Phần 6: Ngoại quan
TCVN 7455:2013	Kính xây dựng - Kính phẳng tôi nhiệt
TCVN 7455:2004	Kính xây dựng. Kính tôi nhiệt an toàn
TCVN 7456:2004	Kính xây dựng. Kính cốt lưới thép
TCVN 7527:2005	Kính xây dựng. Kính cán vân hoa
TCVN 7528:2005	Kính xây dựng. Kính phủ phản quang
TCVN 7529:2005	Kính xây dựng. Kính màu hấp thụ nhiệt
TCVN 7624:2007	Kính gương. Kính gương tráng bạc bằng phương pháp hoá học ướt. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7736:2007	Kính xây dựng. Kính kéo
TCVN 8260:2009	Kính xây dựng. Kính hộp gắn kín cách nhiệt

TCVN 9808:2013	Kính xây dựng - Kính phủ bức xạ thấp

GỖ, VÁN GỖ, TRE

TCVN 1072:1971	Gỗ. Phân nhóm theo tính chất cơ lý
TCVN 1073:1971	Gỗ tròn. Kích thước cơ bản
TCVN 1074:1986	Gỗ tròn. Phân hạng chất lượng theo khuyết tật
TCVN 1075:1971	Gỗ xẻ. Kích thước cơ bản
TCVN 1076:1986	Gỗ xẻ. Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 1077:1986	Gỗ chống lò
TCVN 1283:1986	Gỗ tròn. Bảng tính thể tích
TCVN 1284:1986	Gỗ xẻ. Bảng tính thể tích
TCVN 1462:1986	Tà vẹt gỗ
TCVN 1758:1986	Gỗ xẻ. Phân hạng chất lượng theo khuyết tật
TCVN 3136:1979	Bảo quản gỗ. Phương pháp đề phòng mốc cho ván sàn sơ chế
TCVN 4738:1989	Bảo quản gỗ. Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 4739:1989	Gỗ xẻ. Khuyết tật. Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 5505:1991	Bảo quản gỗ. Yêu cầu chung
TCVN 5693:1992	Gỗ dán. Đo kích thước tấm
TCVN 5695:1992	Gỗ dán. Phân loại

TCVN 7750:2007	Ván sợi. Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại
TCVN 7751:2007	Ván dăm. Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại
TCVN 7752:2007	Ván gỗ dán. Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại
TCVN 7753:2007	Ván sợi. Ván MDF
TCVN 7754:2007	Ván dăm
TCVN 7755:2007	Ván gỗ dán
TCVN 7954:2008	Ván sàn gỗ. Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại
TCVN 7960:2008	Ván sàn gỗ. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8164:2009 (ISO 13910:2005)	Gỗ kết cấu. Giá trị đặc trưng của gỗ phân cấp theo độ bền. Lấy mẫu, thử nghiệm và đánh giá trên toàn bộ kích thước mặt cắt ngang
TCVN 8165:2009 (ISO 13912:2005)	Gỗ kết cấu. Phân cấp độ bền bằng thiết bị. Nguyên tắc cơ bản
TCVN 8166:2009 (ISO 7909:2005)	Gỗ kết cấu. Phân cấp độ bền bằng mắt thường. Nguyên tắc cơ bản
TCVN 8167:2009 (ISO 21887:2007)	Độ bền tự nhiên của gỗ và sản phẩm từ gỗ. Loại môi trường sử dụng
TCVN 8168-1:2009 (ISO 22157-1:2004)	Tre. Xác định các chỉ tiêu cơ lý. Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8575:2010	Kết cấu gỗ - Gỗ ghép thanh bằng keo – Yêu cầu về tính năng thành phần và sản xuất
TCVN 9084-1:2011	Kết cấu gỗ- Ứng dụng uốn của dầm chữ I. Phần 1: Thử nghiệm, đánh giá và đặc trưng
TCVN 9084-2:2014	Kết cấu gỗ- Ứng dụng uốn của dầm chữ I. Phần 2: Tính năng thành phần và yêu cầu sản xuất
TCVN 10573:2014	Yêu cầu phân hạng gỗ phi kết cấu

TCVN 10574:2014	Ván mỏng. Thuật ngữ và định nghĩa, xác định đặc tính vật lý và dung sai
TCVN 10575:2014	Gỗ nhiều lớp (LVL) Yêu cầu kỹ thuật

SẢN PHẨM ĐIỆN

TCVN 3623:1981	Khí cụ điện chuyển mạch điện áp tới 1000 V. Yêu cầu kỹ thuật chung (BBAD điều 1.7.2 và 1.7.4)
TCVN 4160:1990	Khởi động từ làm việc ở điện áp đến 1000 V. Yêu cầu kỹ thuật chung
TCVN 4911:1989 (ST SEV 1118-78)	Công tắc tơ điện từ hạ áp. Kích thước lắp ráp
TCVN 4912:1989 (ST SEV 1121-78)	Khí cụ điện điện áp đến 1000 V. Yêu cầu đối với kích thước lắp ráp
TCVN 5926-1:2007 (IEC 60269-1:2005)	Cầu chảy hạ áp. Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 5926-3:2007 (IEC 60269-3:2987)	Cầu chảy hạ áp. Phần 3: Yêu cầu bổ sung đối với cầu chảy để người không có chuyên môn sử dụng (cầu chảy chủ yếu để dùng trong gia đình và các ứng dụng tương tự)
TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	Ổ cắm và phích cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự. Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 6188-2-1:2008 (IEC 60884-2-1:2006)	Ổ cắm và phích cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự. Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với phích cắm có cầu chảy
TCVN 6190:1999	Ổ cắm và phích cắm điện dùng trong gia đình và các mục đích tương tự. Kiểu và kích thước cơ bản
TCVN 6434-1:2008 (IEC 60898-1:2003)	Khí cụ điện. Áptômát bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các hệ thống lắp đặt tương tự. Phần 1: Áptômát dùng cho điện xoay chiều
TCVN 6480-1:2008 (IEC 60669-1:2007)	Thiết bị đóng cắt dùng cho hệ thống lắp đặt điện cố định trong gia đình và các hệ thống tương tự. Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 6592-1:2009 (IEC 60947-1:2007)	Thiết bị đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 1: Qui tắc chung
TCVN 6592-2:2009 (IEC 60947-2:2009)	Thiết bị đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 2: Áptômát

TCVN 6592-4-1:2009 (IEC 60947-4-1:2002)	Thiết bị đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 4-1: Côngtắctơ và bộ khởi động động cơ. Côngtắctơ và bộ khởi động động cơ kiểu điện-cơ
TCVN 6610-1:2014	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V - Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 6610-2:2007 (IEC 60227-2:2003)	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V - Phần 2: Phương pháp thử
TCVN 6610-3:2000 (IEC 227-3:1997)	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V. Phần 3. Cáp không có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định
TCVN 6610-4:2000 (IEC 22 7-4:1992, Adm.1:1997)	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V. Phần 4. Cáp có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định
TCVN 6610-5:2014	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V - Phần 5: Cáp mềm (dây mềm)
TCVN 6610-6:2011	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V – Phần 6: Cáp dùng cho thang máy và cáp dùng cho đoạn nối chịu uốn
TCVN 6610-7:2014	Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V – Phần 7: Cáp mềm có từ hai ruột dẫn trở lên có chống nhiễu hoặc không chống nhiễu
TCVN 6612:2007 (IEC 60228:2004)	Ruột dẫn của cáp cách điện
TCVN 6615-1:2009	Thiết bị đóng cắt dùng cho thiết bị. Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 6950-1:2007 (IEC 61008-1:2006)	Aptômat tác động bằng dòng dư, không có bảo vệ quá dòng, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCCB). Phần 1: Qui định chung
TCVN 6951-1:2007	Áptômát tác động bằng dòng dư có bảo vệ quá dòng, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCBO). Phần 1: Qui định chung
TCVN 7417-1:2010	Hệ thống ống dùng cho lắp đặt cáp – Phần 1: Yêu cầu chung
TCVN 7417-23:2004 (IEC 61386-23:2002)	Hệ thống ống dùng cho quản lý cáp. Phần 23: Yêu cầu cụ thể. Hệ thống ống mềm

TCVN 7589-11:2007 (IEC 62053-11:2003)	Thiết bị đo điện (xoay chiều). Yêu cầu cụ thể. Phần 11: Công tơ kiểu điện cơ đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 0,5, 1 và 2)
TCVN 7589-21:2007 (IEC 62053-21:2003)	Thiết bị đo điện (xoay chiều) - Yêu cầu cụ thể - Phần 21: Công tơ điện kiểu tĩnh đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 1 và 2)
TCVN 7589-22:2007 (IEC 62053-22:2003)	Thiết bị đo điện (xoay chiều) - Yêu cầu cụ thể - Phần 22: Công tơ điện kiểu tĩnh đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 0.2S và 0.5S)
TCVN 7680:2007 (IEC 60799:1998)	Phụ kiện điện. Bộ dây nguồn và bộ dây nối liên kết
TCVN 7722-1:2009	Đèn điện. Phần 1: Yêu cầu chung và các thử nghiệm
TCVN 7722-2-2:2007	Đèn điện. Phần 2: Yêu cầu cụ thể. Mục 2: Đèn điện lắp chìm
TCVN 7722-2-3:2007	Đèn điện. Phần 2: Yêu cầu cụ thể. Mục 3: Đèn điện dùng cho chiếu sáng đường phố
TCVN 7722-2-5:2007	Đèn điện. Phần 2: Yêu cầu cụ thể. Mục 5: Đèn pha
TCVN 7722-2-6:2009	Đèn điện. Phần 2: Yêu cầu cụ thể. Mục 6: Đèn điện có biến áp hoặc bộ chuyển đổi lắp sẵn dùng cho bóng đèn sợi đốt.
TCVN 7883-8:2008 (IEC 60255-8:1990)	Rơle điện. Phần 8: Rơle điện nhiệt
TCVN 7999-1:2009 (IEC 60282-1:2005)	Cầu chảy cao áp. Phần 1: Cầu chảy giới hạn dòng điện
TCVN 7999-2:2009 (IEC 60282-2:2008)	Cầu chảy cao áp. Phần 2: Cầu chảy giải phóng khí
TCVN 8090:2009 (IEC 62219:2002)	Dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không. Dây trần có sợi định hình xoắn thành các lớp đồng tâm
TCVN 8091-2:2009	Cáp cách điện bằng giấy có vỏ bọc kim loại dùng cho điện áp danh định đến 18/30 KV (có ruột dẫn đồng hoặc nhôm và không kể cáp khí nén và cáp dầu). Phần 2: Yêu cầu chung và yêu cầu về kết cấu
TCVN 8096-107:2010 (IEC 62271-107:2005)	Tủ điện đóng cắt và điều khiển cao áp. Phần 107: Cầu dao kèm cầu chảy xoay chiều dùng cho điện áp danh định lớn hơn 1kV đến và bằng 52kV

TCVN 8096-200:2010 (IEC 62271-200:2003)	Tủ điện đóng cắt và điều khiển cao áp. Phần 200: Tủ điện đóng cắt và điều khiển xoay chiều có vỏ bọc bằng kim loại dùng cho điện áp danh định lớn hơn 1 kV đến và bằng 52 kV
TCVN 10347:2014	Tính giới hạn dưới và giới hạn trên của các kích thước ngoài trung bình của cáp có ruột dẫn đồng tròn và có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V
TCVN 10348-1:2014	Cáp cách điện bằng chất vô cơ và các đầu nối của chúng có điện áp danh định không vượt quá 750 V. Phần 1: Cáp
TCVN 10348-2:2014	Cáp cách điện bằng chất vô cơ và các đầu nối của chúng có điện áp danh định không vượt quá 750 V. Phần 2: Đầu nối
	ỐNG NHỰA, ỐNG PVC-U, ỐNG PE, ỐNG HDPE, ỐNG PP
TCVN 6141:2003	Ống nhựa nhiệt dẻo. Bảng chiều dày thông dụng của thành ống
TCVN 6145:2007	Hệ thống ống nhựa nhiệt dẻo. Các chi tiết bằng nhựa. Phương pháp xác định kích thước
TCVN 6150-1:2003	Ống nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng. Đường kính ngoài danh nghĩa và áp suất danh nghĩa. Phần 1: Dãy thông số theo hệ mét
TCVN 6150-2:2003	Ống nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng. Đường kính ngoài danh nghĩa và áp suất danh nghĩa. Phần 2: Dãy thông số theo hệ inch
TCVN 6158:1996	Đường ống dẫn hơi nước và nước nóng. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6241:1997 (ISO 264:1976)	Phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua cứng (PVC-U) với các khớp nhẫn dùng cho ống chịu áp lực. Chiều dài nối. Dãy thông số hệ mét
TCVN 6243-1:2003	Phụ tùng nối bằng poly(vinyl clurua) không hóa dẻo (PVC-U), poly(vinyl clurua) clo hoá (PVC-C) hoặc acrylonitrile/butadien/ styren (ABS) với các khớp nối nhẫn dùng cho ống chịu áp lực. Phần 1: Dãy thông số theo hệ mét
TCVN 6246:2003 (ISO 2045:1998)	Khớp nối đơn dùng cho ống chịu áp lực bằng poly (vinyl clorua) không hoá dẻo (PVC-V) và bằng poly(vinyl clorua) clo hoá (PVC-C) với các vòng đệm đàn hồi. Độ sâu tiếp giáp tối thiểu

TCVN 6247:2003	Khớp nối kép dùng cho ống chịu áp lực bằng poly(vinyl clurua) không hóa dẻo (PVC-U) với các vòng đệm đàn hồi. Độ sâu tiếp giáp tối thiểu
TCVN 6248:1997 (ISO 2536:1974)	Ống và phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua cứng (PVC-U) chịu áp lực. Dãy thông số theo hệ mét. Kích thước của bích
TCVN 6249:1997 (ISO 4132:1979)	Phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua cứng (PVC-U) và bằng kim loại dùng cho ống chịu áp lực. Chiều dài nối và kích thước ren. Dãy thông số theo hệ mét
TCVN 6250:1997 (ISO 4191:1989)	Ống polyvinyl clorua cứng (PVC-U) dùng để cấp nước. Hướng dẫn thực hành lắp đặt
TCVN 6251:1997 (ISO 4434:1977)	Phụ tùng ống nối bằng polivinyl clorua cứng (PVC-U) dùng cho ống chịu áp lực. Chiều dài nối và kích thước ren. Dãy thông số theo hệ mét
TCVN 6252:1997 (ISO 6455:1983)	Phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua cứng (PVC-U) với vòng đệm đàn hồi dùng cho ống chịu lực. Kích thước chiều dài nối. Dãy thông số theo hệ mét
TCVN 7093-1:2003 (ISO 11922-1:1997)	Ống nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng. Kích thước và dung sai. Phần 1: Dãy thông số theo hệ mét
TCVN 7093-2:2003 (ISO 11922-2:1997)	Ống nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng. Kích thước và dung sai. Phần 2: Dãy thông số theo hệ inch
TCVN 7305-1:2008 (ISO 4427-1:2007)	Hệ thống ống nhựa. Ống nhựa polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước. Phần 1: Quy định chung
TCVN 7305-2:2008 (ISO 4427-2:2007)	Hệ thống ống nhựa. Ống nhựa polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước. Phần 2: Ống.
TCVN 7305-3:2008 (ISO 4427-3:2007)	Hệ thống ống nhựa. Ống nhựa polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước. Phần 3: Phụ tùng
TCVN 7305-5:2008 (ISO 4427-5:2007)	Hệ thống ống nhựa. Ống nhựa polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước. Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống
TCVN 7417-1:2010	Hệ thống ống dùng cho lắp đặt cáp – Phần 1: Yêu cầu chung

TCVN 7613:2009	Ống polyetylen (PE) chôn dưới đất dùng để dẫn khí đốt. Hệ mét. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8491-1:2011	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phần 1: Quy định chung
TCVN 8491-2:2011	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phần 2: Ống
TCVN 8491-3:2011	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phần 3: Phụ tùng
TCVN 8491-4:2011	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phần 4: Van
TCVN 8491-5:2011	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất. Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U). Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống
TCVN 9070:2012	Ống nhựa gân xoắn HDPE
TCVN 10097-1:2013	Hệ thống ống chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh - Polypropylen (PP) - Phần 1: Quy định chung
TCVN 10097-2:2013	Hệ thống ống chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh - Polypropylen (PP) - Phần 2: Ống
TCVN 10097-3:2013	Hệ thống ống chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh - Polypropylen (PP) - Phần 3: Phụ tùng
TCVN 10097-5:2013	Hệ thống ống chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh - Polypropylen (PP) - Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống
TCVN 10097-7:2013	Hệ thống ống chất dẻo dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh - Polypropylen (PP) - Phần 7: Hướng dẫn đánh giá sự phù hợp

TCVN 10098-1:2013	Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh trong các tòa nhà – Phần 1: Qui định chung
TCVN 10098-2:2013	Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh trong các tòa nhà – Phần 2: Ống
TCVN 10098-3:2013	Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh trong các tòa nhà – Phần 3: Phụ tùng
TCVN 10098-5:2013	Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh trong các tòa nhà – Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống
TCVN 10098-7:2013	Hệ thống ống nhiều lớp dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh trong các tòa nhà – Phần 7: Hướng dẫn đánh giá sự phù hợp

ỐNG THÉP & ỐNG GANG DẺO

TCVN 2054:1977	Phôi ống tròn thép cacbon
TCVN 2055:1977	Ống thép không hàn cán nóng. Cỡ, thông số, kích thước
TCVN 2056:1977	Ống thép không hàn kéo nguội và cán nóng. Cỡ, thông số, kích thước
TCVN 2941:1979	Ống và phụ tùng bằng gang. Tên gọi, ký hiệu trên sơ đồ
TCVN 2942:1993	Ống và phụ tùng bằng gang dùng cho hệ thống dẫn chính chịu áp lực
TCVN 2943:1979	Ống và phụ tùng bằng gang. Ống gang miệng bát. Kích thước cơ bản
TCVN 2979:1979	Ống và phụ tùng bằng thép. Tên gọi và ký hiệu trên sơ đồ
TCVN 2980:1979	Ống và phụ tùng bằng thép. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 2981:1979	Ống và phụ tùng bằng thép. Ống thép hàn. Kích thước cơ bản
TCVN 5894:1995	Ống thép. Hệ thống dung sai

TCVN 7698-1:2007 (ISO 3545-1:1989)	Ống thép và phụ tùng đường ống. Ký hiệu sử dụng trong phần đặc tính kỹ thuật. Phần 1: Ống và phụ tùng đường ống có mặt cắt ngang tròn
TCVN 7698-2:2007 (ISO 3545-2:1989)	Ống thép và phụ tùng đường ống. Ký hiệu sử dụng trong phần đặc tính kỹ thuật. Phần 2: Ống và phụ tùng đường ống có mặt cắt ngang hình vuông và chữ nhật
TCVN 7698-3:2007 (ISO 3545-3:1989)	Ống thép và phụ tùng đường ống. Ký hiệu sử dụng trong phần đặc tính kỹ thuật. Phần 3: Đầu nối ống có mặt cắt ngang tròn
TCVN 7701-2:2007 (ISO 7-2:2000)	Ren ống cho mối nối ống kín áp. Phần 2: Kiểm tra bằng calip giới hạn
TCVN 7702:2007 (ISO 1127:1992)	Ống thép không gỉ. Kích thước, dung sai và khối lượng quy ước trên đơn vị chiều dài
TCVN 7703-1:2007 (ISO 8179-1:1995)	Ống gang dẻo. Lớp phủ ngoài bằng kẽm. Phần 1: Lớp phủ kẽm kim loại có lớp hoàn thiện
TCVN 7703-2:2007 (ISO 8179-2:1995)	Ống gang dẻo. Lớp phủ ngoài bằng kẽm. Phần 2: Sơn giàu kẽm có lớp phủ hoàn thiện
TCVN 7705:2007	Đầu nối ống bằng gang dẻo được chế tạo ren theo ISO 7-1
TCVN 10177:2013	Ống, phụ tùng nối ống, phụ kiện bằng gang dẻo và các mối nối dùng cho các công trình dẫn nước
TCVN 10178:2013	Ống và phụ tùng đường ống bằng gang dẻo dùng cho các đường ống có áp và không có áp - Lớp lót vữa xi măng
TCVN 10179:2013	Ống và phụ tùng nối ống thoát nước bằng gang - Loạt có đầu bị bao
TCVN 10180:2013	Sản phẩm bằng gang dẻo dùng cho các công trình nước thải
TCVN 10181:2013	Đường ống bằng gang dẻo - Lớp bọc Polyetylen sử dụng tại hiện trường
TCVN 10182:2013	Hệ thống đường ống bằng gang dẻo được bọc cách nhiệt

PHƯƠNG TIỆN & CHẤT CHỮA CHÁY

TCVN 5740:2009	Phương tiện phòng cháy chữa cháy. Vòi đẩy chữa cháy. Vòi đẩy bằng sợi tổng hợp tráng cao su
TCVN 7026:2013	Chữa cháy- Bình chữa cháy xách tay- Tính năng và cấu tạo
TCVN 7027:2013	Chữa cháy- Bình chữa cháy có bánh xe - Tính năng và cấu tạo
TCVN 7278-1:2003 (ISO 7302-1:1995)	Chất chữa cháy, chất tạo bọt chữa cháy- P.1- Yêu cầu kỹ thuật đối với chất tạo bọt chữa cháy độ nở thấp dùng phun lên bề mặt chất lỏng cháy không hòa tan được với nước
TCVN 7278-2:2003 (ISO 7203-2:1995)	Chất chữa cháy, chất tạo bọt chữa cháy- P.2- Yêu cầu kỹ thuật đối với chất tạo bọt chữa cháy độ nở trung bình và cao dùng phun lên bề mặt chất lỏng không hòa tan được với nước
TCVN 7278-3:2003 (ISO 7203-3:1999)	Chất chữa cháy, chất tạo bọt chữa cháy- P.3- Yêu cầu kỹ thuật đối với chất tạo bọt chữa cháy độ nở thấp dùng phun lên bề mặt chất lỏng cháy hòa tan được với nước
TCVN 8060:2009 (ISO 14557:2002)	Phương tiện chữa cháy. Vòi chữa cháy. Vòi hút bằng cao su, chất dẻo và cụm vòi
TCVN 8522:2010	Đệm không khí cứu người 20m và 45m
TCVN 8523:2010	Ống tụt cứu người 30m
TCVN 10525-1:2014	Ống cao su và chất dẻo, không xẹp, dùng trong chữa cháy. Phần 1: Ống bán cứng dùng cho hệ thống chữa cháy cố định
TCVN 10525-2:2014	Ống cao su và chất dẻo, không xẹp, dùng trong chữa cháy. Phần 2: Ống bán cứng (và cấu kiện ống) dùng cho máy bơm và xe chữa cháy
TCVN 10526:2014	Ống và cấu kiện ống cao su để hút và xả nước. Yêu cầu kỹ thuật

MẠNG VIỄN THÔNG – TRUYỀN HÌNH CÁP

TCVN 8238:2009	Mạng viễn thông. Cáp thông tin kim loại dùng trong mạng điện thoại nội hạt
TCVN 8665:2011	Sợi quang dùng cho mạng viễn thông. Yêu cầu kỹ thuật chung

TCVN 8696:2011	Mạng viễn thông. Cáp sợi quang vào nhà thuê bao. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8697:2011	Mạng viễn thông. Cáp sợi đồng vào nhà thuê bao. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8699:2011	Mạng viễn thông. Ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8700:2011	Cống, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đấu cáp viễn thông. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9247:2012	Sản phẩm và dịch vụ viễn thông hỗ trợ người khuyết tật và người cao tuổi – Các yêu cầu cơ bản
TCVN 9248:2012	Sản phẩm và dịch vụ viễn thông hỗ trợ người khuyết tật và người cao tuổi – Hướng dẫn thiết kế các dịch vụ tương tác sử dụng tín hiệu đầu vào là tín hiệu quay số đa tần (DTMF)
TCVN 9249:2012	Sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông hỗ trợ người khuyết tật và người cao tuổi- Hướng dẫn thiết kế
TCVN 9250:2012	Trung tâm dữ liệu – Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông
TCVN 9373:2012	Thiết bị trong hệ thống phân phối cáp tín hiệu truyền hình. Yêu cầu về tương thích điện từ (EMC)

CHỐNG SÉT & CÁCH ĐIỆN

TCVN 8085-1:2009 (IEC 60626-1:1995)	Vật liệu uốn được kết hợp dùng làm cách điện. Phần 1: Định nghĩa và yêu cầu chung
TCVN 8085-2:2009 (IEC 60626-2:1995)	Vật liệu uốn được kết hợp dùng làm cách điện. Phần 2: Phương pháp thử nghiệm
TCVN 8086:2009 (IEC 60085:2007)	Cách điện. Đánh giá về nhiệt và ký hiệu cấp chịu nhiệt
TCVN 8097-1:2010 (IEC 60099-1:1999)	Bộ chống sét. Phần 1: Bộ chống sét có khe hở kiểu điện trở phi tuyến dùng cho hệ thống điện xoay chiều

SẢN PHẨM THÉP & CÁP THÉP

TCVN 1916:1995	Bu lông, vít, vít cấy và đai ốc – Yêu cầu kỹ thuật

TCVN 5757:2009	Cáp thép sử dụng cho mục đích chung. Yêu cầu tối thiểu
TCVN 5834:1994	Bồn chứa nước bằng thép không gỉ
TCVN 6052:1995	Giàn giáo thép
TCVN 8251:2009	Thiết bị đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
TCVN 10262:2014	Bồn thép chứa chất lỏng cháy được và chất lỏng dễ cháy

NHÔM & HỢP KIM NHÔM

TCVN 5838:1994	Nhôm và hợp kim nhôm. Thanh, thỏi, ống và profin. Yêu cầu kỹ thuật chung
TCVN 5839:1994	Nhôm và hợp kim nhôm. Thanh, thỏi, ống và profin. Tính chất cơ lý
TCVN 5840:1994	Nhôm và hợp kim nhôm. Dạng thanh hình chữ nhật. Sai lệch kích thước và hình dạng
TCVN 5841:1994	Nhôm và hợp kim nhôm. Dạng profin. Sai lệch kích thước và hình dạng
TCVN 5842:1994	Nhôm và hợp kim nhôm. Dạng thanh hình tròn, vuông, sáu cạnh. Sai lệch kích thước và hình dạng
TCVN 5910:1995 (ISO 209-1:1989)	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Thành phần hóa học và dạng sản phẩm . Phần 1: Thành phần hóa học
TCXDVN 330:2004	Nhôm hợp kim định hình dùng trong xây dựng

THIẾC, ĐỒNG

TCVN 2052:1993	Thiếc - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 5753:1993	Đồng. Mác
TCVN 5922:1995 (ISO 3488:1982)	Đồng và hợp kim đồng gia công áp lực - Thanh tròn, vuông và sáu cạnh được ép đùn - Kích thước và sai lệch

VẬT LIỆU CHỊU LỬA

TCVN 4710:1998	Vật liệu chịu lửa. Gạch samôt.
TCVN 5441:2004	Vật liệu chịu lửa. Phân loại
TCVN 6416:1998	Vật liệu chịu lửa. Vữa samôt
TCVN 7453:2004	Vật liệu chịu lửa. Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 7484:2005	Vật liệu chịu lửa. Gạch cao alumin
TCVN 7636:2007	Vật liệu chịu lửa. Gạch samốt cách nhiệt
TCVN 7637:2007	Vật liệu chịu lửa. Gạch cao alumin cách nhiệt.
TCVN 7708:2007	Vật liệu chịu lửa. Vữa cao alumin.
TCVN 7709:2007	Vật liệu chịu lửa. Vữa manhêdi
TCVN 7710:2007	Vật liệu chịu lửa. Gạch manhêdi cácbon.
TCVN 8253:2009	Gạch chịu lửa kiềm tính cho lò thổi oxy và lò điện hồ quang luyện thép. Hình dạng và kính thước
TCVN 8255:2009	Vật liệu chịu lửa. Gạch manhedi
TCVN 9031:2011	Vật liệu chịu lửa - Ký hiệu các đại lượng và đơn vị
TCVN 9032:2011	Vật liệu chịu lửa - Gạch kiềm tính Manhêdi Spinel và manhêdi crôm dùng cho lò quay
TCVN 9033:2011	Gạch chịu lửa cho lò quay - Kích thước cơ bản
TCXDVN 383:2007	Vật liệu chịu lửa - Vữa Manhêdi

XI MĂNG & CLINKER

TCVN 2682:2009	Xi măng pooc lăng. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 4033:1995	Xi măng pooclăng pudơlan. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 4316:2007	Xi măng poóc lăng xỉ lò cao
TCVN 4745:2005	Xi măng. Danh mục chỉ tiêu chất lượng
TCVN 5438:2004	Xi măng. Thuật ngữ và định nghĩa
TCVN 5439:2004	Xi măng. Phân loại
TCVN 5691:2000	Xi măng poóc lăng trắng
TCVN 6067:2004	Xi măng poóc lăng bền sunfát - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6069:2007	Xi măng pooclăng ít toả nhiệt
TCVN 6260:2009	Xi măng pooc lăng hỗn hợp. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7024:2002	Clanhke xi măng pooclăng thương phẩm
TCVN 7445-1:2004	Xi măng giếng khoan chủng loại G. Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7569:2007	Xi măng alumin
TCVN 7711:2007	Xi măng pooclăng hỗn hợp bền sulfat
TCVN 7712:2007	Xi măng pooclăng hỗn hợp ít toả nhiệt
TCVN 8873:2012	Xi măng nở
TCVN 9202:2012	Xi măng xây trát.
TCVN 9488 : 2012	Xi măng đóng rắn nhanh

PHỤ GIA

TCVN 3735:1982	Phụ gia hoạt tính puzơlan
TCVN 6882:2001	Phụ gia khoáng cho xi măng
TCVN 8825:2011	Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn
TCVN 8826:2011	Phụ gia hoá học cho bê tông
TCVN 8827:2011	Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa: silicafume và tro trấu nghiền mịn
TCVN 8878:2011	Phụ gia công nghệ cho sản xuất xi măng
TCVN 10302:2014	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng
TCXD 173:1989	Phụ gia tăng dẻo KĐT2 cho vữa và bêtông xây dựng

NGUYÊN LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

TCVN 2119:1991	Đá canxi cacbonat để nung vôi xây dựng
TCVN 4315:2007	Xỉ hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng
TCVN 6071:1995	Nguyên liệu để sản xuất xi măng poocläng. Hỗn hợp sét
TCVN 6072:1996	Nguyên liệu để sản xuất xi măng poocläng. Đá vôi. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6300:1997	Nguyên liệu để sản xuất sản phẩm gốm xây dựng. Đất sét. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6301:1997	Nguyên liệu để sản xuất sản phẩm gốm xây dựng. Cao lanh lọc. Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6587:2000	Nguyên liệu sản xuất vật liệu chịu lửa samốt. Đất sét
TCVN 6588:2000	Nguyên liệu sản xuất vật liệu chịu lửa samốt. Cao lanh

TCVN 6926:2001	Nguyên liệu để sản xuất thuỷ tinh xây dựng. Đôlômit.
TCVN 6927:2001	Nguyên liệu để sản xuất sản phẩm gốm xây dựng. Thạch anh
TCVN 9036:2012	Nguyên liệu để sản xuất thủy tinh. Cát - Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 9039:2011	Nguyên liệu để sản xuất thủy tinh xây dựng – Đá vôi
TCVN 9188:2012	Amiăng Crizôtin để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng
TCVN 9807:2013	Thạch cao dùng để sản xuất xi măng

NHỰA ĐƯỜNG

TCVN 8816:2011	Nhũ tương nhựa đường polime gốc axit
TCVN 8817-1:2011	Nhũ tương nhựa đường axit - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8818-1:2011	Nhựa đường lỏng - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 8820:2011	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall

GHI CHÚ: Các tiêu chuẩn sau đây đã hủy bỏ:

TCVN 182:1965	*Khí cụ điện dùng trong công nghiệp. Dãy dòng điện định mức*
TCVN 183:1985	*Công tắc, cầu dao. Dãy dòng điện danh định*
TCVN 184:1985	*Dây chảy, cầu chảy. Dãy dòng điện danh định*
TCVN 1650:1985	*Thép tròn cán nóng. Cỡ, thông số, kích thước*
TCVN 1654:1975	*Thép cán nóng. Thép chữ C. Cỡ, thông số, kích thước*
TCVN 1655:1975	*Thép cán nóng. Thép chữ I. Cỡ, thông số, kích thước*
TCVN 1656:1993	*Thép góc cạnh đều cán nóng. Cỡ, thông số, kích thước*
TCVN 1657:1993	*Thép góc cạnh không đều cán nóng. Cỡ, thông số, kích thước*
TCVN 1770:1986	*Cát xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật*
TCVN 1771:1987	*Đá dăm, sỏi và sỏi dăm dùng trong xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật*
TCVN 1834:1994	*Công tắc*
TCVN 2048:1993	*Ổ và phích cắm điện một pha*

TCVN 2103:1994	*Dây điện bọc nhựa PVC*
TCVN 2282:1993	*Cầu dao và cầu dao đảo chiều. Yêu cầu kỹ thuật chung*
TCVN 3100:1979	*Dây thép tròn dùng làm cốt thép bê tông ứng lực trước*
TCVN 3101:1979	*Dây thép cacbon thấp kéo nguội dùng làm cốt thép bê tông*
TCVN 3662:1981	*Thiết bị phân phối điện trọn bộ vỏ kim loại, điện áp đến 10 kV. Yêu cầu kỹ thuật*
TCVN 3724:1982	*Dụng cụ và thiết bị điện. Dòng điện danh định*
TCVN 3786:1994	*Ống sành thoát nước và phụ tùng*
TCVN 3787:1983	*Rơle điện. Thuật ngữ và định nghĩa*
TCVN 3878:1983	*Cầu chảy có dòng điện danh định đến 10A. Dãy dòng điện danh định*
TCVN 4159:1985	*Rơle dòng điện nhiệt. Yêu cầu kỹ thuật.*
TCVN 4340:1994	*Ván sàn bằng gỗ*
TCVN 4353:1986	*Đất sét để sản xuất gạch, ngói nung. Yêu cầu kỹ thuật*
TCVN 4906:1989	*Đèn điện lắp sẵn. Yêu cầu kỹ thuật*
TCVN 4909:1989	*Sản phẩm kỹ thuật điện. Cấp chịu nhiệt của cách điện*
TCVN 5064:1994	*Dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không*
TCVN 5173:1990	*Máy cắt điện tự động dòng điện đến 6300 A, điện áp đến 1000 V. Yêu cầu kỹ thuật chung*
TCVN 5437:1991	*Tấm gốm tráng men để ốp mặt trong tường*
TCVN 5438:1991	*Xi măng. Thuật ngữ và định nghĩa*
TCVN 5439:1991	*Xi măng. Phân loại*
TCVN 5441:1991	*Vật liệu và sản phẩm chịu lửa - Phân loại*
TCVN 5628:1991	*Tấm cách điện. Yêu cầu kỹ thuật:*
TCVN 5717:1993	*Van chống sét*
TCVN 5767:1993	*Cầu chì điện áp trên 1000V*
TCVN 5768:1993	*Cầu dao điện áp trên 1000V*
TCVN 5776:1993	*Kính xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật*
TCVN 5927:1995	*Cầu chảy hạ áp. Yêu cầu bổ xung cho cầu chảy dùng trong gia đình và các mục đích tương tự*
TCVN 6151-1:2002	*Ống và phụ tùng nối bằng Polyvinyl clorua không hoá dẻo (PVC-U) dùng để cấp nước. Yêu cầu kỹ thuật. Phần 1: Yêu cầu chung*

TCVN 6151-2:2002	*Ống và phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua không hoá dẻo (PVC-U) dùng để cấp nước. Yêu cầu kỹ thuật. Phần 2: ống (có hoặc không có đầu nong)*
TCVN 6151-3:2002	*Ống và phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua không hoá dẻo (PVC-U) dùng để cấp nước. Yêu cầu kỹ thuật. Phần 3: Phụ tùng nối và đầu nối*
TCVN 6151-4:2002	*Ống và phụ tùng nối ống bằng Polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U) dùng để cấp nước – Yêu cầu kỹ thuật – Phần 4: Van và trang bị phụ*
TCVN 6151-5:2002	*Ống và phụ tùng nối bằng polyvinyl clorua không hoá dẻo (PVC-U) dùng để cấp nước. Yêu cầu kỹ thuật. Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống*
TCVN 6241:1997	*Phụ tùng nối bằng Polyvinyl clorua cứng (PVC-U) với các khớp nhẫn dùng cho ống chịu áp lực – Chiều dài nối – Dãy thông số theo hệ mét*
TCVN 6246:2003	*Khớp nối đơn dùng cho ống chịu áp lực bằng Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PV C - U) và bằng Poly (vinyl clorua) clo hóa (PVC-C) với các vòng đệm đàn hồi – Độ sâu tiếp giáp tối thiểu*
TCVN 6247:2003	*Khớp nối kép dùng cho ống chịu áp lực bằng Poly (vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) với các vòng đệm đàn hồi – Độ sâu tiếp giáp tối thiểu*
TCVN 6251:1997	*Phụ tùng nối bằng Polyvinyl clorua cứng (PVC-U) dùng cho ống chịu áp lực – Chiều dài nối và kích thước ren – Dãy thông số theo hệ mét*
TCVN 6252:1997	*Phụ tùng nối bằng Polyvinyl clorua cứng (PVC-U) với vòng đệm đàn hồi dùng cho ống chịu áp lực – Kích thước chiều dài nối – Dãy thông số theo hệ mét*
TCVN 6285:1997	*Thép cốt bê tông. Thép thanh vằn*
TCVN 6286:1997	*Thép cốt bê tông. Lưới thép hàn*
TCVN 6414:1998	*Gạch gốm ốp lát. Yêu cầu kỹ thuật*
TCVN 6571:1999	*Công tơ điện xoay chiều kiểu tĩnh đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 0,2 S và 0,5 S)*
TCVN 6572:1999	*Công tơ điện xoay chiều kiểu tĩnh đo điện năng tác dụng (cấp chính xác 1 và 2)*
TCVN 6610-6:2000	*Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750V- Phần 6: Cáp dùng cho thang máy và cáp dùng cho mối nối di động*
TCVN 6883:2001	*Gạch gốm ốp lát. Gạch granit. Yêu cầu kỹ thuật*
TCVN 6884:2001	*Gạch gốm ốp lát có độ hút nước thấp. Yêu cầu kỹ thuật*
TCVN 7133:2002	*Gạch gốm ốp lát, nhóm BIIb (6%<E≤10%) – Yêu cầu kỹ thuật*
TCVN 7134:2002	*Gạch gốm ốp lát, nhóm BIII (E>10%) – Yêu cầu kỹ thuật*

TCXD 192:1996	*Cửa gỗ. Cửa đi, cửa sổ. Yêu cầu kỹ thuật*
TCXD 208 : 1998	*Đá Bazan làm phụ gia cho xi măng - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử*
TCXD 231 : 1999	*Chất kết dính vôi - Đá bazan - Yêu cầu kỹ thuật*
TCXD 237:1999	*Cửa kim loại. Cửa đi, cửa sổ - Yêu cầu kỹ thuật chung*
TCXD 258 : 2001	*Hỗn hợp vữa xi măng không co - Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử*
TCXDVN 151:1986	*Cát sử dụng trong công nghiệp thuỷ tinh.Yêu cầu kĩ thuật*
TCXDVN 167:2002	*Xi măng để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng*
TCXDVN 168:1989	*Thạch cao dùng để sản xuất xi măng*
TCXDVN 167:2002	*Xi măng để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng*
TCXDVN 272:2002	*Ống nhựa gân xoắn HDPE*
TCXDVN 283:2002	*Tiêu chuẩn amiăng crizôtin dùng cho sản xuất tấm sóng amiăng xi măng*
TCXDVN 290:2002	*Băng chắn nước dùng trong mối nối công trình xây dựng - Yêu cầu sử dụng*
TCXDVN 291: 2002	*Nguyên liệu để sản xuất thuỷ tinh xây dựng - Đá vôi dạng cục và dạng bột mịn*
TCXDVN 295:2003	*Vật liệu chịu lửa - Gạch kiềm tính manhedi spinel và manhedi crom dùng cho lò quay*
TCXDVN 302:2004	*Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật*
TCXDVN 310:2004	*Vật liệu lọc dạng hạt dùng trong hệ thống xử lý nước sạch – Yêu cầu kỹ thuật*
TCXDVN 311:2004	*Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa: silicafume và tro trấu nghiền mịn*
TCXDVN 316:2004	*Blốc bê tông nhẹ - Yêu cầu kỹ thuật*
TCXDVN 321:2004	*Sơn xây dựng - Phân loại*
TCXDVN 322:2004	*Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần bê tông sử dụng cát nghiền*
TCXDVN 324:2004	*Xi măng xây trát.*
TCXDVN 325:2004	*Phụ gia hoá học cho bê tông*
TCXDVN 328:2004	*Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính*
TCXDVN 337:2005	*Vữa và bê tông chịu axit*
TCXDVN 349:2005	*Cát nghiền cho bê tông và vữa*
TCXDVN 350:2005	*Gạch chịu lửa cho lò quay - Kích thước cơ bản*

TCXDVN 367:2006	*Vật liệu chống thấm trong xây dựng - Phân loại*
TCXDVN 368:2006	*Vật liệu chống thấm - Sơn nhũ tương bitum Polyme*
TCXDVN 372:2006	*Ống bê tông cốt thép thoát nước*
TCXDVN 392:2007	*Cống hộp bê tông cốt thép đúc sẵn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử*
TCXDVN 395:2007	*Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn*